

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK Đ
TỈNH KON TUM
Số: 03/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Glei, ngày 06 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 tháng năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Văn D;

Địa chỉ: Trường Quân sự K; số 163, đường Đ, TP. KT, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Chị Y T;

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 118 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trương Văn D và chị Y T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn D và chị Y T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị Y T là người được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung là Trương Y Lệ Thủy; sinh ngày 21/12/1999 và Trương Y Trúc L; sinh ngày 15/3/2012. Anh Trương Văn D phải đóng góp tiền phí tổn nuôi con chung là cháu Trương Y Trúc L một tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ ngày các đương sự ly hôn cho đến khi cháu L trưởng thành và sông tự lập được hoặc cho đến khi có thay đổi về người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức đóng góp tiền phí tổn nuôi con chung, người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trương Văn D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Anh Trương Văn D được quyền sử dụng, sở hữu nhà đất là tài sản chung của vợ, chồng; vị trí nhà đất: Tại đường hẻm phía trước bên trái huyện đội huyện Đắk Glei, thuộc địa bàn thôn 16/5, thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum (Nhà cấp 4, xây dựng trên đất do huyện đội huyện Đ cấp cho anh D nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Anh Trương Văn D phải trả cho chị Y T số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Áp dụng các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày chị Y T có đơn yêu cầu thi hành án các khoản tiền nêu trên nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu các bên không thỏa thuận được thì phải chịu mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí dân sự sơ thẩm (*Thuận tình ly hôn*): Anh Trương Văn D và Chị Y T thống nhất nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số 72/TANDTC-PC ngày 11/4/2017.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trương Văn D và chị Y T cùng phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Anh Trương Văn D phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch là 150.000 đồng. Tổng cộng anh Trương Văn D phải nộp 225.000 đồng tiền án phí. Anh Trương Văn D được chuyển số tiền 300.000 đồng mà anh đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/0004563, ngày 14 tháng 11 năm 2017 thành tiền án phí; Anh D còn được nhận lại số tiền 75.000 đồng, nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Glei;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đắk Pét, huyện Đắk Glei;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Luân

